TỜ TRÌNH
SỬA ĐỔI NGÀNH NGHỀ
KINH DOANH CỦA CÔNG TY

PROPOSAL ON
AMENDMENT BUSINESS LINES OF COMPANY

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty được phân loại và đăng ký mã số theo Quyết định số 27/2018/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/07/2018 về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, thay thế cho Quyết định số 27/2018/QĐ-Ttg;

The Company's current business lines are classified and registered with codes in accordance with Decision No. 27/2018/QĐ-TTg dated July 6, 2018, issued by the Prime Minister on the Vietnam Standard Industrial Classification.
Based on Decision No. 36/2025/QD-TTg dated September 29th, 2025 Promulgating Viet Nam standard Industrial Classification in replacement for Decision No. 27/2018/QĐ-Ttg;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội cổ đông (ĐHCĐ) thông qua nội dung điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty căn cứ theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg như sau:

Board of Directors (BOD) kindly propose General Shareholders Meeting (GSM) for approval of amendment business lines of Company in accordance with the Decision No. 36/2025/QD-TTg hereto:

1. **Thông qua việc sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau/ Approval on amendment of detail business lines of the Company hereto:**

STT **No.**	**Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023** **The Company's business lines according to the Confirmation of business registration amendment dated Jul 6th, 2023**	**Nội dung điều chỉnh trình ĐHCĐ** **Amendment content submitted GSM**
1	1311: Sản xuất sợi 1311: Spinning of textile fibres	Không thay đổi/ Unchanged
2	1312: Sản xuất vải dệt thoi Chi tiết: Sản xuất các loại vải 1312: Weaving of textile Specification: manufacture of all textile	Không thay đổi/ Unchanged
3	4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán bông, xơ, sợi, máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may. Mua bán thiết bị lạnh, điều khoa không khí, máy, máy thu thanh thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải. (Ngoại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân	**4679:** Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán bông, xơ, sợi, máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may. Mua bán thiết bị lạnh, điều khoa không khí, máy, máy thu thanh thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải. (Ngoại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có

Nội dung được bổ sung và điều chỉnh so với đăng ký hiện tại: **In đậm**
Content shall be added and amended: **Bold**

STT No.	Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023 The Company's business lines according to the Confirmation of business registration amendment dated Jul 6th, 2023	Nội dung điều chỉnh trình ĐHCĐ Amendment content submitted GSM
	phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) 4669: Other specialized wholesale n.e.c Specification: Trading of cotton, fiber, yarn, machinery, equipment, spare parts, raw materials, supplies, materials, chemicals (excluding highly toxic chemicals), dyes, and packaging materials for the textile and garment industry. Trading of refrigeration equipment, air-conditioning systems, machinery, radio and television receivers, construction materials, and means of transportation. (Excluding the exercise of export rights, import rights, and distribution rights in respect of goods included in the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, or distribution rights.)	vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) **4679:** Other specialized wholesale n.e.c Specification: Trading of cotton, fiber, yarn, machinery, equipment, spare parts, raw materials, supplies, materials, chemicals (excluding highly toxic chemicals), dyes, and packaging materials for the textile and garment industry. Trading of refrigeration equipment, air-conditioning systems, machinery, radio and television receivers, construction materials, and means of transportation. (Excluding the exercise of export rights, import rights, and distribution rights in respect of goods included in the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, or distribution rights.)
4	1410: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc 1410: Manufacturing wearing apparel, except fur apparel Specification: manufacturing garment products	1410: **Sản xuất** trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc 1410: Manufacturing wearing apparel, except fur apparel Specification: manufacturing garment products
5	2030: Sản xuất sợi nhân tạo Chi tiết: Sản xuất các loại bông, xơ 2030: Manufacture of man-made fibres Specification: Manufacture of cotton and fibers.	Không thay đổi/ Unchanged
6	7110: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: + Lập tổng dự toán các công trình dân dụng và công nghiệp hạ tầng, khu công nghiệp, du lịch + Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng – công nghiệp + Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát địa hình, thiết kế xây dựng) 7110: Architectural and engineering activities and related technical	Không thay đổi/ Unchanged

Nội dung được bổ sung và điều chỉnh so với đăng ký hiện tại: **In đậm**
Content shall be added and amended: **Bold**

STT No.	Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023 The Company's business lines according to the Confirmation of business registration amendment dated Jul 6th, 2023	Nội dung điều chỉnh trình ĐHCĐ Amendment content submitted GSM
	consultancy Specification: + Preparation of total cost estimates for civil and industrial works, infrastructure projects, industrial parks, and tourism projects. + Supervision of construction and completion works for civil and industrial projects. +Construction consultancy services (excluding topographical surveying and construction design).	
7	4329: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt các công trình dân dụng và công nghiệp hạ tầng khu công nghiệp, du lịch 4329: Other construction installation Specification: Installation of civil and industrial works for infrastructure projects, industrial parks, and tourism developments.	Không thay đổi/ Unchanged
8	3320: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. 3320: Installation of industrial machinery and equipment	Không thay đổi/ Unchanged
9	5510: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh). Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh). Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh) 5510: Service of short-term accommodation Specification: Hotel (meet the stars standard and not in headquarter). Villas or apartments for short-term accommodation (not in Ho Chi Minh City). Guest houses, motels for short-term accommodation (not in Ho Chi Minh City). Accommodation and similar short-term accommodation facilities (not in Ho Chi Minh City).	**5510: Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự** Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). **5510: Hotels and similar accommodation activities** Specification: Hotel (meet the stars standard and not in headquarter) **5520: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác** Chi tiết: Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh). Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh). Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh) **5520: Other short-term accommodation activities** Specification: Villas or apartments for short-term accommodation (not in Ho Chi Minh City). Guest houses, motels for short-term accommodation (not in Ho Chi Minh City). Accommodation and similar short-term accommodation facilities (not in Ho Chi Minh City).

Nội dung được bổ sung và điều chỉnh so với đăng ký hiện tại: **In đậm**
Content shall be added and amended: **Bold**

STT No.	Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023 The Company's business lines according to the Confirmation of business registration amendment dated Jul 6th, 2023	Nội dung điều chỉnh trình ĐHCĐ Amendment content submitted GSM
10	5610: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (việc cung cấp dịch vụ cần tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn) 5610: Restaurants and mobile food service activities Specification: Restaurants, eateries, and food and beverage service establishments (the provision of services must be carried out concurrently with the investment in, construction, upgrading, renovation, or acquisition of a hotel).	Không thay đổi/ Unchanged
11	4723: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh 4723: Retail sale of beverages in specialized stores	4723: **Bán lẻ đồ uống** 4723: **Retail sale of beverages**
12	4722: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Ngoại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối 4722: Retail sale of food products in specialized stores Specification: Excluding the exercise of export rights, import rights, and distribution rights in respect of goods included in the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, or distribution rights.	4722: **Bán lẻ thực phẩm** Chi tiết: Ngoại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối 4722: **Retail sale of food products** Specification: Excluding the exercise of export rights, import rights, and distribution rights in respect of goods included in the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, or distribution rights.
13	6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở, trung tâm thương mại. Cho thuê nhà xưởng, kho bãi 6810: Trading of own or rented property and land use rights Specification: Trading and development of residential housing and commercial centers. Leasing of factories and warehouses.	Không thay đổi/ Unchanged
14	4719: Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719: **Bán lẻ tổng hợp khác**

Nội dung được bổ sung và điều chỉnh so với đăng ký hiện tại: **In đậm**
Content shall be added and amended: **Bold**

STT No.	Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023 The Company's business lines according to the Confirmation of business registration amendment dated Jul 6th, 2023	Nội dung điều chỉnh trình ĐHCĐ Amendment content submitted GSM
	Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp gồm: quần áo, giày dép; thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; đồ điện gia dụng; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự đèn và bộ đèn; đồ dùng gia đình khác, đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh; hàng ngũ kim, mỹ phẩm, nước hoa, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể dục, thể thao; cặp, túi, ví, hàng da và giả da; hoa, cây cảnh; hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác; lương thực thực phẩm (trừ lúa, gạo, đường), thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, sữa, các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc lào có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác. (Trừ các mặt hàng là đồ cổ, đồng hồ, mắt kính, máy ảnh, phim ảnh, vật liệu, bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc dùng trong thể thao, tiền kim khí) Đảm bảo thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 được sửa đổi bởi Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 4719: Other retail sale in non-specialized stores Specification: Retail variety of goods in non-specialized stores, including: wearing apparel, carpets, cushions, blankets, curtains, blinds, wall and floor coverings; home electric; beds, wardrobes, tables and chairs and furniture similar to lamps and lamp sets; other household utensils, household utensils of ceramic, porcelain and glass; hardware, cosmetics, perfumes, jewelry, toys, gymnastics and sports; briefcases, bags, wallets, leather goods and imitation leather; flowers, ornamental plants; souvenirs, wickerwork, handicrafts; paintings, photographs and other works of art; food (except for rice, sugar), meat and meat products, seafood, vegetables, milk, cereal products, flour, starch, of which food products, beverages or tobacco should be	Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp gồm: quần áo, giày dép; thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; đồ điện gia dụng; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự đèn và bộ đèn; đồ dùng gia đình khác, đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh; hàng ngũ kim, mỹ phẩm, nước hoa, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể dục, thể thao; cặp, túi, ví, hàng da và giả da; hoa, cây cảnh; hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác; lương thực thực phẩm (trừ lúa, gạo, đường), thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, sữa, các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc lào có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác. (Trừ các mặt hàng là đồ cổ, đồng hồ, mắt kính, máy ảnh, phim ảnh, vật liệu, bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc dùng trong thể thao, tiền kim khí) Đảm bảo thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 được sửa đổi bởi Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 4719: **Other non-specialized retail sale** Specification: Retail variety of goods in non-specialized stores, including: wearing apparel, carpets, cushions, blankets, curtains, blinds, wall and floor coverings; home electric; beds, wardrobes, tables and chairs and furniture similar to lamps and lamp sets; other household utensils, household utensils of ceramic, porcelain and glass; hardware, cosmetics, perfumes, jewelry, toys, gymnastics and sports; briefcases, bags, wallets, leather goods and imitation leather; flowers, ornamental plants; souvenirs, wickerwork, handicrafts; paintings, photographs and other works of art; food (except for rice, sugar), meat and meat products, seafood, vegetables, milk, cereal products, flour, starch, of which food products, beverages or tobacco should be minority. (excluding antiques, watches, glasses, cameras, films, materials, gas tank, liquefied petroleum gas (LPG), greasy oil, gold bars, kinds of guns and bullets used for hunting or in sports; metal coins). Comply with Decision No. 64/2009/QD-UBND dated 31/7/2009 revised and Decision No. 79/2009/QD-UBND dated 17/10/2009 issued by People Committee

Nội dung được bổ sung và điều chỉnh so với đăng ký hiện tại: **In đậm**
Content shall be added and amended: **Bold**

STT No.	Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023 The Company's business lines according to the Confirmation of business registration amendment dated Jul 6th, 2023	Nội dung điều chỉnh trình ĐHCĐ Amendment content submitted GSM
	minority. (excluding antiques, watches, glasses, cameras, films, materials, gas tank, liquefied petroleum gas (LPG), greasy oil, gold bars, kinds of guns and bullets used for hunting or in sports; metal coins). Comply with Decision No. 64/2009/QD-UBND dated 31/7/2009 revised and Decision No. 79/2009/QD-UBND dated 17/10/2009 issued by People Committee of Ho Chi Minh City on approving the business zoning of agricultural and foods in Ho Chi Minh City.	of Ho Chi Minh City on approving the business zoning of agricultural and foods in Ho Chi Minh City.
15	6202: Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính 6202: Computer consultancy and computer system management	**6220:** Tư vấn máy tính và **quản lý cơ sở hạ tầng máy tính** **6220:** Computer consultancy and **computer facilities management activities**
16	4771: Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh 4771: Retail of clothing, footwear, leather articles and imitation leather in specialized stores	4771: **Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da** 4771: **Retail sale of clothing, footwear, leather and imitation leather goods**
17	1391: Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác 1391: Manufacturing of knitted, crocheted and non-woven fabrics.	Không thay đổi/ Unchanged
18	1399: Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu 1399: Manufacturing variety kinds of products made by woven fabric which have not classified yet	Không thay đổi/ Unchanged
19	4751: Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh 4751: Retail of fabric, wool, yarn, sewing thread and other textiles in specialized stores	4751: **Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác** 4751: **Retail of fabric, wool, yarn, sewing thread and other textiles**
20	6312: Cổng thông tin Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử: thiết lập và điều hành website thương mại điện tử (không bao gồm website trực tiếp giao dịch chứng khoán) hoặc ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử . 6312: Web portals Specification: E-commerce service business: creating and operating e-	**6390: Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác** Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử: thiết lập và điều hành website thương mại điện tử (không bao gồm website trực tiếp giao dịch chứng khoán) hoặc ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử **6390: Web search portals activities and other information service activities** Specification: E-commerce service business: creating and operating e-commerce website (excluding securities trading websites) or applications providing e-commerce service.

Nội dung được bổ sung và điều chỉnh so với đăng ký hiện tại: **In đậm**
Content shall be added and amended: **Bold**

STT No.	Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023 The Company's business lines according to the Confirmation of business registration amendment dated Jul 6th, 2023	Nội dung điều chỉnh trình ĐHCĐ Amendment content submitted GSM
	commerce website (excluding securities trading websites) or applications providing e-commerce service.	
21	4102: Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa các công trình dân dụng và công nghiệp; hạ tầng khu công nghiệp, du lịch 4102: Construction of non-residential buildings Specification: construction, repair of civil and industrial construction; infrastructure of industrial parks and tourist areas.	Không thay đổi/ Unchanged
22	4610: Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới thương mại; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa (trừ đấu giá tài sản) (Ngoại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) 4610: Commission agents, brokers and auction agents Specification: Commercial brokerage; agency for the purchase and sale of goods; consignment services (excluding property auction services). (Excluding the exercise of export rights, import rights, and distribution rights in respect of goods included in the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, or distribution rights.)	Không thay đổi/ Unchanged
23	4641: Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép 4641: Wholesale of fabric, textiles and footwear	Không thay đổi/ Unchanged
24	1520: Sản xuất giày dép 1520: Manufacturing footwear	Không thay đổi/ Unchanged

Nội dung được bổ sung và điều chỉnh so với đăng ký hiện tại: **In đậm**
Content shall be added and amended: **Bold**

2. Sửa đổi Điều lệ Công ty/ Amendment of the Company's Charter

Sửa đổi Khoản 3.1 Điều 3 về lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty phản ánh việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại Mục 1 ở trên

To amend Clause 3.1 Article 3 of the Charter for the business lines of Company to reflect the amendment of business lines as Item 1 above.

3. Triển khai thực hiện/ Implementation

Giao Người đại diện theo pháp luật triển khai các công việc liên quan đến thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau:

To assign the Legal representative to conduct the related formalities for changing the business line of the Company including but not limited the following tasks:

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua tại tờ trình này;

  To carry out procedures related to the change of business lines with the competent state authorities, including the adjustment of detailed contents within the scope of the business line codes approved by the GSM in this proposal.
- Thực hiện các công việc khác liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

  Perform other tasks related to the change of the Company's business lines in compliance with applicable laws.

Kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua.

Kindly submit to GSM for consideration and approval.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Ho Chi Minh, 20th March, 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/*On behalf of BOD*

CHỦ TỊCH/*Chairman*

(Đã ký/signed)

TRẦN NHƯ TÙNG

Nội dung được bổ sung và điều chỉnh so với đăng ký hiện tại: **In đậm**

Content shall be added and amended: **Bold**